

TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐÀ LẠT
HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ 2025 - ĐỢT 2

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Lâm Đồng, ngày 08 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THI, XÉT TUYỂN TUYỂN SINH TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NĂM 2025 - ĐỢT 2

1. NGÀNH: TOÁN GIẢI TÍCH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251001	Lê Quốc Anh	20/04/1990	Nam	7.24	79.0	
2	251002	Lê Thái Bảo	10/02/2002	Nam	6.84	Miễn thi	
3	251003	Trần Long Biên	22/08/1986	Nam	7.44	83.0	
4	251004	Đỗ Cao Cường	02/09/2002	Nam	7.06	Miễn thi	
5	251005	Hoàng Thị Thu Hiền	08/12/2002	Nữ	6.81	Miễn thi	
6	251006	Nguyễn Trần Khánh Hoài	11/10/2003	Nữ	8.16	Miễn thi	
7	251007	Đinh Thị Phương Liên	12/02/2003	Nữ	7.58	Miễn thi	
8	251008	Trần Đặng Hải Lộc	31/07/2003	Nam	8.30	Miễn thi	
9	251009	Võ Quang Nguyên	21/10/1993	Nam	8.05	Miễn thi	
10	251010	Lê Phạm Thúy Nhi	12/02/2002	Nữ	6.77	84.0	
11	251011	Nguyễn Thị Hoàng Oanh	16/10/2002	Nữ	7.10	Miễn thi	
12	251012	Hàn Thị Anh Phương	19/09/1994	Nữ	7.09	Miễn thi	
13	251013	Nguyễn Đức Thắng	21/04/2001	Nam	6.67	Miễn thi	
14	251014	Nguyễn Thị Thúy	12/02/1998	Nữ	7.69	89.5	
15	251015	Lê Ngọc Đoan Trang	31/03/2003	Nữ	7.48	80.0	

2. NGÀNH: VẬT LÝ KỸ THUẬT

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251016	Lê Anh Duy	12/07/2003	Nam	7.19	Miễn thi	
2	251017	Hoàng Trung Hiếu	05/12/1988	Nam	7.09	Vắng thi	
3	251018	Trần Thanh Hòa	21/09/1988	Nam	6.20	70.5	

4	251019	Phan Tiến	Lâm	15/10/1987	Nam	6.56	81.0	
5	251020	Nguyễn Phước	Minh	05/12/1992	Nam	6.52	76.0	
6	251021	Trần Hữu	Năm	05/9/1984	Nam	6.08	73.0	
7	251022	Nguyễn Đăng Cao	Nguyễn	12/03/2003	Nam	7.37	<i>Miễn thi</i>	
8	251023	Hồ Thị Hiền	Nhi	06/08/1997	Nữ	7.42	<i>Miễn thi</i>	
9	251024	Lê Đức	Toàn	03/02/1985	Nam	8.22	69.0	
10	251025	Nguyễn Đức	Toàn	01/06/1995	Nam	7.11	73.0	
11	251026	Nguyễn Hồng	Văn	06/07/1990	Nam	7.84	70.5	
12	251027	Lê Ngọc	Vương	16/07/1985	Nam	7.57	74.0	

3. NGÀNH: HÓA PHÂN TÍCH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251028	Nguyễn Hoàng Em	01/01/1991	Nam	7.53	72.0	
2	251029	Nguyễn Nữ Thanh Thư	20/09/1998	Nữ	7.52	66.0	
3	251030	Phú Ngọc Huỳnh	12/03/2003	Nam	8.66	<i>Miễn thi</i>	
4	251031	Huỳnh Hồ Thanh Trúc	04/12/2003	Nữ	7.54	<i>Miễn thi</i>	
5	251032	Cơ Liêng K' Gel	26/06/2003	Nữ	8.45	<i>Miễn thi</i>	
6	251033	Nguyễn Thị Hồng Diệu	15/01/2003	Nữ	7.99	<i>Miễn thi</i>	
7	251034	Lê Minh Khương	09/03/2003	Nam	8.46	<i>Miễn thi</i>	
8	251035	Bùi Đỗ Tuấn Kiệt	14/08/2002	Nam	6.88	<i>Miễn thi</i>	
9	251036	Nguyễn Bùi Diễm My	04/11/1998	Nữ	7.57	74.0	
10	251037	Nguyễn Hải Quang	09/11/1991	Nam	7.23	<i>Miễn thi</i>	
11	251038	Nguyễn Văn Chính	10/03/1994	Nam	8.63	<i>Miễn thi</i>	
12	251039	Lê Thị Diễm Trinh	13/10/2000	Nữ	8.14	61.0	
13	251040	Huỳnh Bảo Phương	18/04/2001	Nữ	7.05	<i>Miễn thi</i>	

4. NGÀNH: SINH THÁI HỌC

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251041	Trần Lê Văn Chi	02/11/1995	Nữ	8.48	79.0	

2	251042	Nguyễn Thành	Đạt	08/03/1994	Nam	6.64	74.0	
3	251043	Hà Hoàng	Dung	27/10/2003	Nữ	8.57	Miễn thi	
4	251044	Hồ Sĩ	Hùng	01/03/1998	Nam	6.63	70.0	
5	251045	Trần Cao Minh	Huy	29/11/2003	Nam	7.36	Miễn thi	
6	251046	Phạm Trần Thị Vân	Khánh	14/03/2003	Nữ	8.50	Miễn thi	
7	251047	Phạm Thị Ánh	Nhật	04/09/1995	Nữ	8.60	80.0	
8	251048	Nguyễn Vương Hoài	Thư	17/01/2000	Nữ	7.82	82.0	
9	251049	Nguyễn Thị Kiến	Trúc	10/08/1982	Nữ	7.43	80.0	
10	251050	Trần Nguyễn Anh	Tuấn	10/04/2003	Nam	8.42	Miễn thi	
11	251051	Đặng Văn	Văn	15/05/2003	Nam	8.40	Miễn thi	
12	251052	Phạm Thúy	Vũ	17/10/2003	Nữ	7.91	Miễn thi	

5. NGÀNH: VĂN HỌC VIỆT NAM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251053	Huỳnh Minh Châu	20/08/1990	Nữ	8.13	65.0	
2	251054	Nguyễn Thị Bảo Diễm	18/09/1979	Nữ	6.03	74.0	
3	251055	Nguyễn Thị Kim Hiền	02/08/1999	Nữ	7.74	50.5	
4	251056	Đào Thị Mỹ Hồng	08/09/1996	Nữ	6.67	50.0	
5	251057	Phạm Hoàng Anh Linh	28/04/2003	Nữ	7.07	Vắng thi	
6	251058	Nguyễn Lê Phương Ngân	05/07/2003	Nữ	8.42	Miễn thi	
7	251059	Nguyễn Thị Bích Ngọc	02/04/1982	Nữ	6.11	58.5	
8	251060	Nguyễn Thị Quỳnh Nhân	21/03/1986	Nữ	7.32	66.5	
9	251061	Thái Yến Nhi	03/05/2002	Nữ	7.01	55.3	
10	251062	Phạm Minh Phương	03/04/2000	Nữ	7.43	Miễn thi	
11	251063	Nguyễn Thị Thanh Thảo	02/11/2003	Nữ	8.25	Vắng thi	
12	251064	Võ Hoàng Ngọc Trâm	26/05/1981	Nữ	5.97	65.5	
13	251065	Vũ Phương Uyên	25/06/2003	Nữ	8.85	Miễn thi	
14	251066	Lê Triệu Vy	26/11/2003	Nữ	7.53	Miễn thi	
15	251067	Phạm Tường Vi	21/03/1985	Nữ	6.41	67.0	

20/11/2011
FR
1*

6. NGÀNH: LỊCH SỬ VIỆT NAM

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251068	Trần Thanh	Ám	04/12/1996	Nam	7.50	57.0	
2	251069	Phan Văn	Đạt	13/01/2003	Nam	8.40	<i>Miễn thi</i>	
3	251070	Trần Văn	Khiển	30/08/1987	Nam	7.20	52.8	
4	251071	Lê Hà Yên	My	01/10/1999	Nữ	7.80	73.3	
5	251072	Hồ Công Tuấn	Phong	10/01/1981	Nam	7.80	67.5	
6	251073	Trần Thị	Tuyết	15/02/1982	Nữ	7.20	78.0	

6. NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
						XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251074	Nguyễn Thị Trúc	Anh	02/01/2001	Nữ	8.37	75.5	
2	251075	Phạm Thị Nguyệt	Ánh	09/11/1987	Nữ	6.73	70.0	
3	251076	Lê Y	Bình	15/06/1992	Nữ	7.41	89.8	
4	251077	Phạm Thị Kim	Bình	11/01/2001	Nữ	8.27	<i>Miễn thi</i>	
5	251078	Phạm Phú	Dũng	24/01/2003	Nam	6.88	73.0	
6	251079	Trần Thị Trà	Giang	04/08/2002	Nữ	7.29	<i>Vắng thi</i>	
7	251080	Nguyễn Hữu Huy	Hoàng	13/01/2002	Nam	7.37	67.0	
8	251081	Bùi Phương	Linh	17/01/2000	Nữ	7.90	<i>Miễn thi</i>	
9	251082	Nguyễn Thị Phương	Loan	23/07/2002	Nữ	7.19	<i>Miễn thi</i>	
10	251083	Trần Thanh	Long	06/04/1993	Nam	7.08	84.3	
11	251084	Võ Thị	Lựu	03/03/2001	Nữ	8.06	77.3	
12	251085	Bùi Thị Tuyết	Mai	02/11/1995	Nữ	7.33	<i>Miễn thi</i>	
13	251086	Lương Đức	Minh	10/02/1999	Nam	6.86	<i>Miễn thi</i>	
14	251087	Trương Kiến	Minh	14/08/2002	Nam	6.72	81.3	
15	251088	Trần Hiền	My	06/10/2003	Nữ	7.56	<i>Miễn thi</i>	
16	251089	Cù Thị Huỳnh	My	23/07/2003	Nữ	8.51	<i>Miễn thi</i>	

17	251090	Phạm Thị Kim	Ngân	14/09/2003	Nữ	8.35	90.5	
18	251091	Trương Mỹ	Nhi	18/07/2000	Nữ	7.36	85.8	
19	251092	Nguyễn Việt	Thắng	14/04/2003	Nam	7.74	<i>Miễn thi</i>	
20	251093	Lê Đức	Thắng	10/01/2001	Nam	8.69	<i>Miễn thi</i>	
21	251094	Lê Thị Mỹ	Thanh	30/01/1989	Nữ	5.73	<i>Miễn thi</i>	
22	251095	Phan Nguyễn Anh	Thư	15/01/1987	Nữ	7.45	87.8	
23	251096	Vũ Minh	Thư	22/10/2003	Nữ	7.58	<i>Miễn thi</i>	
24	251097	Hồ Văn	Thùy	12/10/2003	Nam	8.81	<i>Miễn thi</i>	
25	251098	Lê Ngọc Bảo	Trâm	11/02/2002	Nữ	6.84	<i>Miễn thi</i>	
26	251099	Nguyễn Thị Kiều	Trang	28/9/2000	Nữ	7.54	84.8	
27	251100	Trang Đoàn Minh	Trí	21/02/2001	Nam	7.56	<i>Miễn thi</i>	
28	251101	Nguyễn Thị Tú	Uyên	11/02/1989	Nữ	6.70	69.3	

8. NGÀNH: QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	TIẾNG ANH	
1	251102	Lê Thị Châu	15/11/1992	Nữ	7.79	<i>Vắng thi</i>	
2	251103	Nguyễn Thị Thu Hiền	30/07/1982	Nữ	6.11	68.5	
3	251104	Lê Trung Hiếu	25/02/1986	Nam	7.74	70.0	
4	251105	Nguyễn Chu Yên	29/10/2002	Nữ	8.43	<i>Vắng thi</i>	
5	251106	Nguyễn Mạnh Linh	25/07/1989	Nam	7.78	<i>Miễn thi</i>	
6	251107	Lê Thị Trúc Linh	28/01/2000	Nữ	7.63	81.0	
7	251108	Lê Tăng Trọng Nghĩa	11/10/1988	Nam	6.30	74.3	
8	251109	Chu Ru A Lê Nai Quỳnh	29/03/2000	Nữ	8.51	92.5	
9	251110	Bùi Lê Giáng Tiên	18/05/1983	Nữ	7.08	88.0	
10	251111	Nguyễn Nhật Vũ	09/08/1985	Nam	6.99	82.8	
11	251112	Lê Thảo Vy	29/07/1996	Nữ	7.81	<i>Miễn thi</i>	

11 7 20 0 17 18 11

9. NGÀNH: NGÔN NGỮ ANH

STT	SỐ BÁO DANH	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	GIỚI TÍNH	ĐIỂM		GHI CHÚ
					XÉT TUYỂN	NGOẠI NGỮ THỨ 2	
1	251113	Nguyễn Hoàng Minh Anh	14/11/2003	Nữ	8.29	79.0	
2	251114	Đặng Thị Vân Anh	02/01/1988	Nữ	7.11	96.5	
3	251115	Nguyễn Xuân Hồ Châu	07/11/2001	Nữ	7.48	<i>Vắng thi</i>	
4	251116	Lương Thị Hà Giang	16/02/1994	Nữ	7.36	96.0	
5	251117	Nguyễn Khánh Huyền	28/02/2003	Nữ	7.34	61.5	
6	251118	Nguyễn Nhật Linh	05/04/2003	Nữ	7.46	<i>Miễn thi</i>	
7	251119	Phan Vũ Bảo Ngân	28/09/2003	Nữ	8.52	<i>Miễn thi</i>	
8	251120	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/04/2001	Nữ	7.93	92.0	
9	251121	Nguyễn Ngọc Quyết	10/05/2001	Nam	6.23	60.0	
10	251122	Nguyễn Như Quỳnh	31/10/2000	Nữ	7.06	95.0	
11	251123	Nguyễn Lê Trọng Thành	01/11/2000	Nam	8.29	89.0	
12	251124	Đỗ Nguyễn Thanh Trúc	13/04/2002	Nữ	7.32	<i>Miễn thi</i>	
13	251125	Đào Minh Tùng	19/09/2003	Nam	8.01	89.0	



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG


Lê Minh Chiến